

BIẾN ĐỔI VĂN HÓA SINH KẾ - LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

Ngô Thị Kim Tuyến¹

Tóm tắt: Trong các nghề thủ công của người Việt ở Bắc Bộ, có nghề khai thác và chế tác đá, tồn tại ở các vùng có nhiều loại nguyên liệu này, từ đó, xuất hiện các làng khai thác và chế tác đá với các mức độ khác nhau. Làng đá Ninh Vân (huyện Hoa Lư) là làng nghề chế tác đá có tiếng từ xa xưa. Từ chỗ chỉ tạo ra các sản phẩm đơn giản, phục vụ đời sống thường ngày, như các loại cối đá, cối xay, người thợ đá Ninh Vân tiến lên tạo ra các sản phẩm lớn, chi tiết phức tạp, mang tính nghệ thuật cao, như bàn thờ, các loại tượng và nhà ở, nhà thờ bằng đá với nhiều mảng điêu khắc trang trí tinh xảo như kỹ thuật làm trên chất liệu gỗ. Việc thay đổi phương thức làm nghề đã làm biến đổi văn hóa sinh kế làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Từ khóa: biến đổi, sinh kế, làng nghề, chạm khắc đá,...

1. MỞ ĐẦU

Với địa hình nhiều núi đá dọc khắp đất nước dải hình chữ S, Việt Nam xuất hiện các làng khai thác và chế tác đá với các mức độ khác nhau, trong đó, những làng điển hình là Kính Chủ (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương), làng Nhồi (nay thuộc thành phố Thanh Hóa), Bạch Lưu Hạ (huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc). Ở Ninh Bình, có làng đá mỹ nghệ Ninh Vân, xã Ninh Vân (huyện Hoa Lư) cũng làm chế tác đá có tiếng từ xa xưa. Làng nghề chế tác đá Ninh Vân đã trải qua biết bao thăng trầm, thời kỳ hợp tác hóa, nghề chỉ tạo ra những sản phẩm đơn giản, với lượng sản phẩm rất thấp, làng nghề đã phát triển với sức bật mới nhờ chuyển hướng trong tạo ra các sản phẩm: tập trung vào các phù điêu, tượng cỡ lớn. Từ khi nền kinh tế nông thôn phát triển theo cơ chế thị trường, làng đá Ninh Vân có những biến đổi mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc trên các phương diện văn hóa sinh kế (từ việc sử dụng nguyên, vật liệu, công cụ và kỹ thuật, quy trình chế tác, tổ chức sản xuất, loại hình sản phẩm, tiêu thụ...). Sự thay đổi văn hóa sinh kế làm nghề đã tác động mạnh mẽ đến các khía cạnh của làng, trên tất cả các mặt: kinh tế, xã hội, văn hóa, lối sống ... Biến đổi văn hóa sinh kế diễn ra trên các phương diện sau:

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Nguồn nguyên liệu chế tác

Trước đây nghề đá là nghề phụ, nên việc sản xuất ở mức vừa phải, vì vậy trữ lượng đá tự nhiên ở Ninh Vân chưa bị khai thác nhiều và đá nguyên liệu thường được khai thác

¹ Trường Đại học Hòa Bình

tại chỗ với những công cụ thô sơ, dùng sức người là chủ yếu. Nguồn nguyên liệu đá ở Ninh Vân đá khá lớn chủ yếu là trữ lượng đá xanh, do vậy loại đá chủ yếu được sử dụng trong chạm khắc ở Ninh Vân là đá xanh. Đá xanh có đặc tính bền, dai, cứng và không vân, không bị mọc rêu, được ưa thích để làm các cấu kiện kiến trúc và đồ thờ cho các di tích như đình, đền, chùa,... Các thợ đá cho rằng, đây là loại đá Marble cứng nhất, nặng nhất trong các loại đá, có độ rắn cao hơn nhiều so với loại đá trắng, đá xanh nhạt, đá vàng ở những nơi khác, tuổi thọ khá cao, càng sử dụng đá càng lên nước bóng láng, tạo nên sự vĩnh cửu cho công trình, đặc biệt phù hợp với các hạng mục kiến trúc, chạm khắc ngoài trời.

Khi đất nước bước vào “thời kỳ đổi mới”, nền kinh tế thị trường mở cửa, giao thông, xây dựng phát triển mạnh mẽ đòi hỏi nguồn nguyên liệu xi măng tăng mạnh và Ninh Vân là xã được nhà máy xi măng Duyên Hà lựa chọn để đặt cơ sở sản xuất. Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế theo nền kinh tế thị trường, kinh tế địa phương, chính quyền nơi đây đã bán 2/3 trữ lượng núi đá cho nhà máy xi măng Duyên Hà. Đến đầu thế kỷ 21, khi tỉnh Ninh Bình quy hoạch khu bảo tồn danh thắng Bích Động thì một số núi đá còn lại được đưa vào danh mục bảo tồn thiên nhiên. Khi nguồn nguyên liệu tại chỗ không còn được khai thác thì cũng là lúc nghề đá ở Ninh Vân bắt đầu khởi sắc và phát triển mạnh. Đứng trước thực trạng thiếu nguồn nguyên liệu trầm trọng buộc người thợ đá phải linh hoạt, nhanh nhạy tìm đường đi cho nghề. Thời gian đầu, nhiều thợ đá phải đi nhiều nơi để tìm nguồn nguyên liệu phù hợp với tại các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình, đến Thanh Hóa, Nghệ An đi sâu tiếp vào Quảng Bình, Bình Định,... Giai đoạn tìm nguồn nguyên liệu khá vất vả và mất nhiều thời gian, bởi không phải cứ là đá là có thể dùng cho chế tác, chạm khắc được. Có thể nêu ra một ví dụ: núi đá của khu vực tỉnh Hòa Bình chủ yếu là đá vôi, đá ong; núi đá của vùng huyện Gia Viễn (tỉnh Ninh Bình) là đá vôi nên không thể dùng cho việc sản xuất nghề chạm khắc đá.

Ngày nay, người thợ không phải vất vả hoặc đổi mặt với hiểm nguy đi khai thác đá như trước đây nữa, mà chỉ cần đến các khu vực cung cấp đá lựa chọn nguyên liệu hoặc thông qua hệ thống điện thoại, tin nhắn là nhận được số đá nguyên liệu cần dùng cho sản xuất. Đồng thời, người thợ đã rút ngắn được nhiều thời gian cho công đoạn “chế biến” nguyên liệu thô cho chế tác... Mặc dù những người thợ không còn tự khai thác đá tại làng nhưng những kinh nghiệm chọn đá, chế đá, tách đá vẫn được ứng dụng trong quá trình làm nghề.

Như vậy, nguyên liệu đá phục vụ cho việc sản xuất của làng nghề ở Ninh Vân từ những năm 2010 trở lại đây đều được nhập từ Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng... Tuy nhiên, đá là nguồn nguyên liệu không tái tạo sau khi khai thác, cho nên các vùng cung cấp cũng sẽ dần cạn kiệt nguyên liệu đá trong tương lai, với tốc độ phát triển các làng nghề chế tác đá như hiện nay thì nguồn nguyên liệu đá dùng cho chế tác đá mỹ nghệ ở

các vùng phụ cận sẽ dần khan hiếm trong 10 - 20 năm tới. Một câu hỏi đặt ra hiện nay nếu không còn nguồn nguyên liệu đá ở quanh khu vực Ninh Vân nói riêng và vùng đất Ninh Bình nói chung thì làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân sẽ tồn tại theo hướng nào? Đây là một bài toán cần giải quyết, để đáp ứng được mục tiêu phát triển bền vững làng nghề trong tương lai.

2.2. Công cụ sản xuất

Một bộ công cụ đồ nghề làm đá có rất nhiều loại với nhiều chi tiết khác nhau thường được sử dụng từ 3 - 4 năm. Hầu hết những công cụ làm nghề đều được người thợ Ninh Vân sáng tạo, chế tạo trong quá trình hoạt động nghề hàng trăm năm như : vồ, ve, đục, búa, xẻ,... Ngoài ra trong mỗi gia đình thợ đá còn có các công cụ như đe sắt, đá mài, dao rựa, keo gắn, dũa, sơn đen, mực vẽ, bút vẽ,... thường dùng cho khâu hoàn thiện sản phẩm nhằm tạo nên độ tinh tế, độ “mượt” với giá trị nghệ thuật. Hàng ngày, người thợ đá có thói quen kiểm tra sửa chữa dụng cụ trước khi đi làm. Người thợ đá rất có ý thức trong việc giữ gìn, bảo quản bộ công cụ cẩn thận, bởi vì đây là tài sản đáng giá nhất của mỗi người thợ, là phương tiện sản xuất quan trọng không thể thiếu được trong công việc, gắn bó với người thợ.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hòa bình lập lại ở Miền Bắc, năm 1960 những người thợ đá được tập hợp vào hợp tác xã thủ công Thạch Sơn. Năm 1985 lớp lãnh đạo trẻ của Hợp tác xã Thạch Sơn nghiên cứu và nhập dây truyền xẻ đá đầu tiên của nhà máy đá An Dương nhằm nâng cao năng suất và đa dạng hóa sản phẩm. Việc đưa máy xẻ đá vào làm nghề có thể nói là bước ngoặt lớn, đặt nền móng cho sự phát triển khoa học, kỹ thuật trong nghề chế tác đá ở Ninh Vân.

Cùng với sự phát triển ngày càng đông đảo đội ngũ thợ, nhiều trang thiết bị, kỹ thuật mới được du nhập, giúp cho quá trình làm nghề ngày càng thuận lợi, trong đó có 3 công nghệ mang tính đột phá: Năm 1995, du nhập công nghệ nê-m của Nhật trong khai thác nguyên liệu, thay thế cho đánh nê-m thủ công truyền thống, giúp cho việc khai thác các khối đá lớn được thuận tiện. Năm 2003, máy khai thác đá, máy xẻ đá sử dụng công nghệ dây, giúp cho việc khai thác đá nhanh hơn, tiết kiệm được vật tư và tạo ra được các phiến đá lớn. Cùng với đó là xuất hiện máy đục, máy mài tự động hóa. Năm 2016, thêm công nghệ cắt gọt phiến, giúp cho việc định hình sản phẩm được thuận tiện, đáp ứng được các nhu cầu về sản lượng, thời gian hoàn thành một sản phẩm và chất lượng sản phẩm. Hiện nay, thợ đá Ninh Vân sử dụng chủ yếu các kỹ thuật và công nghệ mới cho công việc chế tác, tạo tác sản phẩm, các công cụ và kỹ thuật truyền thống vẫn được sử dụng nhưng không nhiều. Các công cụ hiện đại, công nghệ mới đã giúp tiết kiệm thời gian, nhân lực, sức người trong tất cả các khâu chế tác, chất lượng sản phẩm đảm bảo, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng...

Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển với những công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), kết nối vạn vật (IoT), big data, điện toán đám mây đã giúp tạo ra rất nhiều tri thức dựa trên dữ liệu và cũng đồng thời giúp nâng cao hiệu suất. Điều đó đã giúp hình thành nhiều mô hình như sản xuất thông minh, năng lượng thông minh, thành phố thông minh,... Các loại hình máy móc trong sẽ đảm nhiệm hầu hết các công việc sản xuất của con người hiện nay. Điều này có thể giúp các làng không có nghề hoặc có nghề khác (nếu có sẵn nguồn nguyên liệu đá tự nhiên) rất có thể sẽ trở thành những làng làm nghề đá mỹ nghệ mới. Tạo nên sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm khá lớn.

2.3. Về quy trình, kỹ thuật sản xuất

Trước đây quy trình kỹ thuật chạm khắc đá từ khâu khai thác nguyên liệu cho đến công đoạn hoàn thiện sản phẩm hoàn toàn được làm bằng đôi tay khéo léo, sự sáng tạo và tài năng của người thợ thì ngày được thay thế bằng kỹ thuật hiện đại kết hợp với trí tuệ nhân tạo chiếm tỷ lệ 50-60% trong quy trình tạo tác sản phẩm. Khâu vẽ sản phẩm giờ được thay bằng phần mềm thiết kế 3D, khâu chạm, đục, tạo phom dáng sản phẩm được máy đục, máy chạm (máy CNC) thực hiện. Người thợ giờ đây chủ yếu làm ở khâu hoàn thiện sản phẩm như tía, chỉnh họa tiết, hoa văn, khò, nét,... để tạo độ sâu và độ tinh xảo cho sản phẩm. Tuy nhiên, điều đáng nói là khâu hoàn thiện sản phẩm hầu hết thợ đá ít sử dụng kỹ thuật chạm, đục, tía thủ công như trước mà dùng máy tía, máy đánh bóng. Nếu như trước đây người ta gọi quá trình tạo ra một sản phẩm là quy trình chế tác, tạo tác đá thì ngày nay có thể gọi là quy trình “sản xuất” ngành công nghiệp đá mỹ nghệ. Việc thay đổi quy trình chế tác đã làm xuất hiện thêm một số nghề mới trong làng nghề: thiết kế đồ họa, cung cấp nguyên liệu, nghề vận chuyển, nghề marketing, ...

Bên cạnh việc thay đổi về kỹ thuật tạo sản phẩm, phong cách mỹ thuật của sản phẩm cũng có sự thay đổi so với trước đây. Đề tài thể hiện trên các loại hình sản phẩm phong phú, đa dạng về mẫu mã, loại hình hơn. Ngoài việc kế thừa các đề tài truyền thống, người thợ thủ công ở làng nghề này cũng thực hiện các đề tài mới do khách hàng đặt, từ đó họ tạo ra các đề tài mới với sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

Có thể nói, việc thay đổi sản phẩm của nghề chế tác đá mỹ nghệ với sự hỗ trợ của công nghệ (gắn với công cụ hiện đại) đã làm cho người thợ đá Ninh Vân thay đổi tư duy làm nghề, nâng cao tính tự học hỏi. Từ các sản phẩm dân dụng, đơn giản chuyển sang sản xuất các sản phẩm mỹ thuật, có tính thẩm mỹ cao đòi hỏi người thợ phải có tư duy cao. Khoa học kỹ thuật đang làm thay đổi quy trình kỹ thuật sản xuất khá lớn, nếu nhìn vào bề ngoài quy trình sản xuất thì có thể đánh giá máy móc đang thay thế con người và tạo ra sản phẩm. Nhưng điều đó không hẳn thế, đối với nghề chạm khắc đá thì giá trị cốt lõi

để tạo ra sản phẩm mang giá trị văn hóa, mang giá trị sử dụng, mang giá trị kinh tế thì vẫn là từ giá trị làm nghề truyền thống và văn hóa nghề truyền thống được đúc kết, trao truyền và phát triển từ xưa đến nay.

Ngày nay làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân đang trong đà phát triển với những xưởng sản xuất, chế tác đá lớn như những “khu công nghiệp” nằm trong làng nghề, điều này cho thấy hiện nay môi trường là một vấn đề cấp thiết cần giải quyết. 1/Tiếng ồn của các loại máy khoan cắt, máy mài đá, máy xẻ đá, máy đục, chạm, khắc đá,... gây ảnh hưởng đến các cơ quan thính giác cho người thợ và những người sống xung quanh khu vực làm đá. 2/Bụi của bột đá bay ra từ các máy cắt công nghiệp cỡ lớn, những chiếc mắt đục, chạm SNS không lồ theo làn gió bay khắp làng và phát tán khắp nơi mỗi khi các hộ gia đình, xưởng chế tác tiến hành sản xuất. Vào những mùa cao điểm, không khí của các làng nhiều lúc được bao bọc bởi những lớp bụi đá mù mịt, trắng xóa mà người dân nơi đây ví như đang đi trong lớp “sương mù”. Bụi đá có thể làm ảnh hưởng tới thị giác và đường hô hấp của những người dân trực tiếp làm nghề hoặc sống xung quanh khu vực sản xuất.

2.4. Về sản phẩm làng nghề

Sự thay đổi kỹ thuật và công nghệ cùng sự khởi sắc của đời sống kinh tế của các tầng lớp cư dân, sự phục hồi các di tích lịch sử văn hóa và di tích cách mạng đã tạo ra sự thay đổi lớn về sản phẩm của nghề chế tác đá ở Ninh Vân. Đa đa số các mặt hàng truyền thống được sản xuất với số lượng nhiều, đa dạng về hình dáng, kích thước, cải tiến mẫu mã, trong đó, đồ tâm linh, đồ nghệ thuật chiếm số lượng nổi bật. Các sản phẩm truyền thống vẫn được người dân làng nghề chế tác như:

- *Đồ thờ cúng*: đồ thờ cúng này ở làng nghề chạm đá Ninh Vân sản xuất ra trên cơ sở kế thừa các yếu tố truyền thống và tiếp thu các yếu tố mới nhằm tạo ra các sản phẩm đồ thờ cúng khá phong phú và mang đặc trưng riêng của làng nghề (Tượng Phật, Tượng La Hán, Hương án,...); *Đồ mỹ nghệ*: là loại mặt hàng đòi hỏi trình độ tay nghề cao bởi đây là dòng sản phẩm như có tính nghệ thuật, thẩm mỹ lớn với các chủ đề như: Tam đa (Phúc, Lộc, Thọ), Bát tiên (Lý Thiết Quài, Hà Tiên Cô, Lã Đổng Tân), Tứ linh (Long, Ly, Quy, Phượng), Tứ quý (Tùng, Cúc, Trúc, Mai), Ngũ phúc lâm môn, Bát mã truy phong, Lý ngư vọng nguyệt (cá chép trông trăng), Vinh quy bái tổ, Sơn thủy hữu tình, Lã Vọng câu cá, Cá chép vượt vũ môn ... đặc biệt, một số đề tài mang nhịp sống của thời đại như phù điêu phong cảnh, điêu khắc Gothic, cảnh sinh hoạt nông thôn, được sử dụng trong các khu nghỉ dưỡng, tư gia, nhà hàng, khách sạn; biểu tượng, logo thương hiệu của các doanh nghiệp;... Những sản phẩm này đều được những người thợ của làng Ninh Vân tạo ra và được khách hàng ưa chuộng.

- *Công trình kiến trúc và các chi tiết trong kiến trúc*: Loại hình sản phẩm này có quy mô lớn như công làng, công công trình, kiến trúc lăng mộ,... với nhiều kích cỡ khác nhau. Hầu hết các sản phẩm này đều làm theo đơn đặt hàng và được thiết kế 3D, chỉ có công trình lăng mộ kích thước nhỏ thường được làm sẵn để phục vụ cho những khách hàng có nhu cầu. Các chi tiết như chân tảng, thành bậc, đá bó vỉa hiện tại các công trình tu bổ di tích và công trình dân dụng tại tỉnh Ninh Bình, các tỉnh phụ cận cũng làm nhóm sản phẩm được sản xuất nhiều tại Ninh Vân...

Tượng đài, phù điêu: là sản phẩm khá tiêu biểu của làng nghề chạm khắc đá ở Ninh Vân. Theo các chủ doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay, hơn 90% tượng đài, phù điêu chất liệu đá khối ở các tỉnh/thành phố trong cả nước và một số nước lân cận như Lào, Campuchia, Thái Lan... do người thợ nghề Ninh Vân tạo ra. Các tượng đài, phù điêu đều được người thợ gia công tại xưởng, sau đó vận chuyển đến địa điểm để thi công lắp dựng, hoàn thiện sản phẩm. Các công trình nổi tiếng được người làng nghề Ninh Vân tạo ra như Tượng Bộ đội kéo phao, cụm tượng đài chiến thắng Mường Phăng (tỉnh Điện Biên); Tượng và phù điêu Bác Hồ với nhân dân các dân tộc (tỉnh Hà Giang); tượng đài 10 cô gái ở ngã ba Đồng Lộc (tỉnh Hà Tĩnh); cụm tượng đài Bà mẹ Tổ quốc (TP. Hồ Chí Minh); cụm tượng đài Thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước (tỉnh Quảng Trị); tượng Mẹ Suốt (tỉnh Quảng Bình); tượng Trần Hưng Đạo (tỉnh Hải Dương); tượng đài Bác Hồ (tỉnh Nghệ An); tượng đài Hữu nghị Việt Nam-Campuchia... Các tượng đài này đạt đến trình độ cao về nghệ thuật tạo hình, tạo khối và đặc biệt là công nghệ ghép khối đạt đến độ tinh xảo.

Sự thay đổi sản phẩm của nghề thủ công phù hợp với nhu cầu khách hàng ở các thời kỳ lịch sử là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại của làng nghề. Để giải quyết được yêu cầu này, cần có các nghệ nhân, thợ kỹ thuật giỏi để thực hiện được các đơn đặt hàng, như tượng đài bằng đá đòi hỏi tay nghề cao, tính thẩm mỹ và hiểu biết về kích thước khoa học là điểm thành công. Hiện nay, đội ngũ nghệ nhân “tài năng, sáng tạo” ngày một cao tuổi và hiếm, trong khi đó đội ngũ nghệ nhân “tài năng” kế cận lại không nhiều, nên việc tìm được thợ trẻ có tay nghề chạm khắc đạt đến trình độ tinh xảo, điều luyện ở làng nghề vẫn ở trong tình trạng “đãi cát tìm vàng”. Trong tương lai, để tạo ra các sản phẩm làng nghề với giá trị văn hóa cao, có tính thẩm mỹ lớn với kỹ thuật chế tác tinh xảo,... được tạo tác bởi những bàn tay tài hoa của các nghệ nhân sẽ là một vấn đề đặt ra cho thế hệ đội ngũ làm nghề hiện nay.

2.5. Tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Tổ chức sản xuất: Cùng với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thì việc tổ chức sản xuất có nhiều thay đổi, những kíp thợ do người thợ cả “cầm đầu” được thay bằng hình thức quản lý, sản xuất mới, phù hợp với điều kiện phát triển của làng nghề. Hiện nay, tại làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân có hai hình thức tổ chức làm nghề chính: Gia

đình và công ty: *1/Tổ chức làm nghề trong gia đình*: mỗi gia đình hạt nhân là một cơ sở sản xuất, nhiều trường hợp 2-3 gia đình (là bố con – anh em ruột) chung vốn hợp thành một cơ sở. Các gia đình nhận làm hàng (trực tiếp từ các khách hàng có nhu cầu, hoặc phải qua các công ty), sau đó tổ chức thi công. Thợ làm chỉ có một số ít là người trong nhà làm, còn đa số là người ngoài gia đình, nhưng cũng là người trong anh em họ hàng, người làng. Thợ được thuê theo các công đoạn, các phần việc theo tay nghề của họ; *2/Tổ chức làm nghề tại các công ty*: Việc thành lập công ty hay doanh nghiệp tư nhân tạo những điều kiện thuận lợi cho việc làm ăn của các cơ sở sản xuất: Hàng hóa tiêu thụ nhanh hơn, với khối lượng lớn hơn nhiều lần, có thể mua được nguyên vật liệu tận gốc, bán sản phẩm gần như tận ngọn; thanh toán gọn hơn, không phải nhờ các cơ sở khác, không phải mất phí trung gian (tiền hoa hồng); Tiếp cận được thị trường nhanh hơn; không phải mất công đi lại nhiều, từ trao đổi, tiếp nhận mẫu mã hàng cần làm theo hợp đồng dự định sẽ ký kết; giới thiệu hàng hóa sẽ được trao đổi giữa hai bên... đều thông qua không chỉ điện thoại, mà còn qua vi tính, internet. Hầu hết các công ty, doanh nghiệp đều là “công ty gia đình”, chồng là giám đốc, vợ là phó giám kiêm thủ quỹ, riêng kế toán thì là con, cháu được đào tạo qua các trường, lớp theo quy định của Nhà nước. Việc tuyển thợ làm về cơ bản cũng giống như việc tuyển ở các cơ sở sản xuất gia đình, song tính cẩn thận cao hơn ở mọi khâu, vì liên quan đến chế độ bảo hiểm. Ngoài tuyển lao động dài hạn, còn tuyển lao động thời vụ.

Tiêu thụ sản phẩm: So với trước đây, thị trường tiêu thụ sản phẩm hiện nay của làng nghề chạm đá Ninh Vân rộng mở khắp cả nước và sang nước ngoài. Do quá trình mở cửa, giao lưu mọi mặt nên khách hàng đã tìm đến làng nghề để đặt hàng theo yêu cầu hoặc đặt hàng có sự nghiên cứu, tư vấn từ phía thợ làm nghề. Qua khảo sát thực tiễn tại làng nghề này cho thấy, các sản phẩm do thợ làng nghề tạo ra chủ yếu do khách đặt hàng ở các địa phương trong cả nước và có một số đơn hàng đặt từ thị trường của Lào, Campuchia...

2.6. Tri thức nghề và truyền nghề

Ngày nay, với sự phát triển của khoa học và công nghệ thông tin, những tri thức nghề nghiệp cũng trở nên phổ cập hơn. Sự áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất cũng ít nhiều làm cho một số bí quyết nghề nghiệp không còn là đặc biệt và bí mật nữa. Tuy nhiên, nhiều nghề nhân vẫn khẳng định, nghề đá mỹ nghệ ở Ninh Vân vẫn có những bí quyết riêng, trong đó bao gồm những bí quyết đã có từ lâu và cả những bí quyết mới, tạo nên tính đặc thù và độc đáo của sản phẩm đá Ninh Vân.

Chính bí quyết riêng của từng người, từng gia đình đã tạo nên sự “chuyên môn hóa”, nhất là trong các công đoạn khó. Ngày nay, mặc dù máy móc hiện đại được ứng dụng nhiều trong quá trình tạo tác sản phẩm, nhưng có nhiều chi tiết, công đoạn mà máy móc không thể đảm đương được. “Khoảng trống” ấy chính là “đất diễn” của những nghệ nhân lão luyện với những bí quyết riêng. Hơn nữa, có nhiều khách hàng “kỹ tính”, họ yêu cầu sản phẩm của họ phải được làm thủ công chứ không được làm bằng máy.

Những nghệ nhân lớn tuổi rất quan tâm đến việc truyền nghề, đổi lại, lớp trẻ cũng rất coi trọng việc nối nghề của cha ông, nhất là ở những gia đình có truyền thống lâu đời, người ta “bám” nghề rất chặt. Do đó, những gia đình mà nghề làm đá được truyền 3 - 4 đời rất nhiều. Như câu dân gian thường nói: “Giỏ nhà ai quai nhà ấy”, với những gia đình có truyền thống làm nghề lâu đời thì con cháu, nếu theo nghề cha ông, thì cũng thường trở thành những người thợ giỏi.

So với trước, đối tượng truyền nghề hiện nay được mở rộng hơn so với trước. Trong xu thế phát triển hiện nay, việc truyền nghề không còn bó hẹp trong phạm vi gia đình, làng xóm, mà đã truyền nghề cho những người làm công đến từ nhiều địa phương khác nhau. Với mục đích phát triển nghề nghiệp của làng nghề, các nghệ nhân và doanh nghiệp đã chủ động dạy, truyền nghề cho người đến học.

Như vậy, với sự biến đổi của xã hội, đặc biệt là sự phát triển của đời sống kinh tế và nhu cầu của sản xuất, việc truyền nghề ở Ninh Vân đã có nhiều thay đổi theo hướng mở rộng cả về đối tượng và cách thức truyền nghề. Đó chính là một trong những yếu tố thúc đẩy sự phát triển của làng nghề, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

7. KẾT LUẬN

Xã Ninh Vân hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để nghề chạm khắc đá sớm hình thành và phát triển. Người thợ đá Ninh Vân không chỉ bó hẹp phạm vi hoạt động trong vùng, trong tỉnh mình mà đã đi khắp nơi để hành nghề, để lại nhiều sản phẩm đặc sắc ở nhiều nơi trong nước. Nghề chạm khắc đá là nghề thủ công vừa vất vả, nặng nhọc lại mang tính mỹ thuật cao. Để có được một sản phẩm đá hoàn chỉnh, đạt chất lượng là một quá trình sản xuất bao gồm nhiều công đoạn. Mỗi công đoạn bao gồm nhiều khâu hết sức phức tạp đòi hỏi kinh nghiệm, sự sáng tạo, bền bỉ, chịu đựng vất vả và đôi bàn tay "vàng" của người thợ. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, nghề chế tác đá ở Ninh Vân có sự chuyển biến, biến đổi mạnh mẽ, trên tất cả các phương thức hành nghề, tạo nên một làng nghề phát triển mạnh mẽ về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt là kinh tế điều này cũng đặt ra cho làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân nhiều thách thức lớn trong vấn đề phát triển làng nghề gắn với phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb. Văn hoá Thông tin và Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Thị Lan Phương (2016), *Làng ven đô và sự biến đổi văn hóa (trường hợp làng Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Phan Đại Doãn (2001), *Làng xã Việt Nam, một số vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4. Bùi Xuân Đính (Chủ biên), (2009), *Làng nghề thủ công huyện Thanh Oai (Hà Nội)- truyền thống và biến đổi*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Bùi Xuân Đính (Chủ biên), (2013), *Bát Tràng - làng nghề, làng văn*, Nxb. Hà Nội.
6. Bùi Xuân Đính (2020), *Làng Việt ở bắc bộ truyền thống và biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Trương Minh Hằng (2006), *Làng nghề thủ công mỹ nghệ miền Bắc*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
8. Mai Thế Hồn (Chủ biên), (2003), *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa Hà Nội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Tô Duy Hợp (Chủ biên), (2000), *Sự biến đổi của làng xã Việt Nam ngày nay ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Tô Duy Hợp (Chủ biên, 1997), *Ninh Hiệp truyền thống và phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

CULTURAL CHANGE OF LIVELIHOOD - NINH VAN FINE ARTS STONE VILLAGE

Ngo Thi Kim Tuyen

Abstract: *Among the traditional crafts of the Vietnamese people in the Northern region, stone extraction and craftsmanship thrive in areas abundant with such resources, leading to the emergence of stone extraction and crafting villages with varying degrees of prominence. Ninh Van stone village (Hoa Lu district) is renowned for its stone crafting trade since ancient times. From merely creating simple products for daily use, such as stone mortars and grinding bowls, Ninh Van stone artisans have progressed to crafting large, intricately detailed, artistically high-quality products like altars, various statues, stone houses, and stone churches adorned with exquisite carved decorations akin to woodworking techniques. However, the craft has experienced numerous ups and downs, from periods of collectivization to times when it only produced simple products in small quantities. Up to now, the craft village has experienced a new surge by shifting its focus towards creating sculptures and large-sized statues. It is crucial to understand how these changes differ from those in other rural villages and how they will change to provide a scientific basis for solutions for the craft village to continue its sustainable development in the following stages.*

Keywords: *Transformation, Livelihood, Craft Village, Stone Carving,...*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-2-2024; ngày phản biện đánh giá: 14-3-2024; ngày chấp nhận đăng: 05-4-2024)